

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 65/2020/HSST

Ngày: 06 -8- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Ông Nguyễn Việt Thành

-Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai các hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2020; số 69/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020; số 70/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐHPT-HS ngày 16/6/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/HSST-QĐ ngày 13/7/2020 đối với các bị cáo:

1. LÂM THỊ U (Bảo T), sinh năm 1999 tại Campuchia; nơi cư trú: Ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Khơ me; tôn giáo: Phật; con ông Lâm Văn S, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1953; có 01 người con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. ĐÀO VĂN L (Lùn), sinh năm 1993 tại Bình Phước; nơi cư trú: Ấp 12, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đào Văn L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án, ngày 09/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 02/2017/HSST; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. LÂM VĂN T (Thái), sinh năm 2001 tại Campuchia; nơi cư trú: Ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lâm Văn N (đã chết) và bà Lâm Thị L (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. BÙI THỊ HOÀNG O (Vy), sinh năm 1985 tại Bình Phước; nơi cư trú: Tổ 2, kp P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Hữu T, sinh năm 1961 và bà Hoàng Thị Tâm Đ, sinh năm 1966; bị cáo không có chồng, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/5/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh **Trần Huyền Quốc Đ**, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 8, ấp 3B, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. “có mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Đào Văn L**, sinh năm 1966 và bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1967; cùng nơi cư trú: ấp 12, xã Lộc Tấn, huyện L, tỉnh Bình Phước. “có mặt”

2. Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1953; nơi cư trú: Ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. “có mặt”

3. Bà **Hoàng Thị Tâm Đ**, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ 2, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. “có mặt”

Người làm chứng:

1. Chị **Đào Thị Bích L**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Nhà Trọ Phạm Văn Phong- 62/18, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. “có mặt”

2. Ông **Lâm Văn R**, sinh năm 1985 và bà **Lê Đặng Thanh T**; cùng nơi cư trú: Xã Tân L, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. “có mặt”

3. Anh **Lâm Văn Đ**, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Thị U (Bảo T), Đào Văn L (Lùn) sống chung với nhau như vợ, chồng; Lâm Văn T và Bùi Thị Hoàng O sống chung với nhau như vợ, chồng. U là dì của O; L có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, thông qua mạng xã hội facebook, U kết bạn với anh Trần Huyền Quốc Đ. Lúc này, U đang ở nhà tại ấp V, xã L, huyện L và sử dụng “nick name Bảo T” (“nick name”: được hiểu là tên thật hoặc là tên biệt danh (tên giả) dùng để sử dụng trao đổi qua mạng xã hội) để trò chuyện với anh Đ. Đến ngày 11 tháng 5 năm 2019, U đón xe đò (xe ô tô vận chuyển hành khách; sau đây viết gọn là xe khách) đến phòng trọ của anh ruột U là anh Lâm Văn Đ tại tổ 7, ấp 3B, xã M, huyện Chơn Thành. Đến đây, U gọi điện thoại cho Đ rủ đi ăn nên Đ ghé phòng trọ và gặp T, O. Ngày hôm sau, Đ cùng Đ1, U, T, O đi chơi tại Bình Dương. Đến ngày 13 tháng 5 năm 2019 thì L từ huyện LN đến thuê phòng chung nhà trọ với anh Đ và Đ1 ở để sống cùng với U.

Qua tiếp xúc với Đ, O và T thấy Đ hiền lành, thật thà, có tình cảm với U và trong lúc không có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, nên ngày 13 tháng 5 năm 2019, U bàn với T cách chiếm đoạt xe mô tô hiệu Airblade, biển kiểm soát: 86B6-391.92 của anh Đ (sau đây viết gọn là xe mô tô của Đ). Lúc đầu, O có khuyên ngăn đừng chiếm đoạt xe mô tô của anh Đ nhưng sau đó thì O không có ý kiến gì. Sáng ngày 14 tháng 5 năm 2019, U phân công: U lấy thẻ từ chống trộm (“*thẻ từ*” là loại thiết bị điện tử an ninh sử dụng công nghệ thẻ chip nhận dạng thông minh với công nghệ không dây hiện đại. Hệ thống chỉ cho phép khởi động khi có thẻ từ nhận dạng đã được đăng ký kèm theo với chìa khóa), U nói bị bệnh để lấy lý do mượn xe mô tô của Đ để T, O đi làm thêm chìa khóa xe Đ. Khi anh Đ đến phòng trọ thì U mượn xe mô tô của Đ để O, T đi mua thuốc và làm thêm chìa khóa. Sau khi mua thuốc và làm thêm chìa khóa xong, O và T quay về phòng trọ trả xe cho Đ đi làm. Tại đây, O bỏ thuốc trên đầu tủ lạnh, còn T lên gác trong phòng trọ bỏ chìa khóa vừa làm xong trong ngăn ngoài cùng của giỏ xách có 02 ngăn màu đen có kích thước khoảng 15cm x 20cm của O.

Đến 12 giờ ngày 16 tháng 5 năm 2019, U điện thoại cho T hỏi T Đ1 đang ở đâu thì T nói Đ1 đang ở nhà O tại thị xã B. Lúc này, U rủ T, O xuống phòng trọ của L chơi, ăn uống thì T đồng ý. Đến 13 giờ cùng ngày, U tiếp tục điện thoại cho T hỏi đi tới đâu rồi, T nói: “đi rồi”, L lấy máy điện thoại của U chỉ đường cho T chở O đi xuống đến Shop quần áo Thái Nhật Minh qua cổng khu Công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc rồi điện thoại để L ra đón. Khoảng 20 phút sau thì O và T đến trước Shop quần áo Thái Nhật Minh rồi điện thoại cho U, U nói L đi bộ ra đón O và T vào phòng chơi. Tại phòng trọ, U, L, T tiếp tục bàn với nhau cách thức thực hiện cướp xe mô tô của Đ, cụ thể:

- Lâm Thị U dùng S.I.M điện thoại số 0354.657.874 của L để nhắn tin, liên lạc với Đ nhằm mục đích sau khi cả nhóm chiếm đoạt xe mô tô của Đ thì bỏ S.I.M,

ở lại trong phòng cùng với O để nắm thông tin của Đ để cung cấp cho T nhằm tìm thời cơ phù hợp để T, L thực hiện;

- Lâm Văn T và Đào Văn L: trực tiếp đi đến gặp Đ để cướp tài sản;
- Bùi Thị Hoàng O: biết U, L, T lên kế hoạch cướp tài sản nhưng vẫn im lặng, không phản ứng gì.

Sau khi thống nhất xong, U gọi điện thoại cho anh Đ nhưng anh Đ không nghe điện thoại nên cả 04 người đi vào công ty làm bình ắc quy tại khu Becamex để xin việc làm. Đến đây, do trời tối nên cả 04 quay về nhà trọ. Đến khoảng 20 giờ, Đ nhắn tin đồng ý và hỏi địa chỉ để đến. U chỉ Đ đi đường Minh Hưng - Đồng Nơ (sau đây viết gọn là đường), thuộc ấp 6, xã M, huyện Chợ Thành. Lúc này, T đưa cho L 01 con dao gấp, T lấy trong cốp xe mô tô hiệu Winner của O 01 roi điện màu đen, cả hai đeo khẩu trang, L cho T mượn 01 quần jeans. Chuẩn bị xong, cả hai dùng xe mô tô Wave, màu xanh, biển kiểm soát: 51S1-8207 (sau đây viết gọn là xe Wave) của L đi gặp Đ cướp tài sản. Trước khi đi cướp tài sản, T bảo O chờ T đi cướp xe xong rồi cùng về nhà tại thị xã B; O biết T và L đi cướp tài sản nhưng vẫn chờ T đi cướp xe xong rồi cùng về nhà tại thị xã B.

Khi L chở T đi được khoảng hơn 03km, đến đoạn đường vắng T nói “được rồi dừng (L), đứng đây đi”, T điện thoại về cho U nói vị trí và hỏi anh Đ đi đến đâu thì được U cho biết Đ đang đến và xe của Đ có mở đèn xi nhan bên phải để T và L nhận biết anh Đ. Khoảng 10 phút sau, T và L phát hiện xe mô tô có mở đèn xi nhan bên phải nên biết đó là anh Đ, nên T kêu L dẫn xe mô tô và T đi bộ phía sau. Khi Đ chạy đến, L vẩy xe Đ lại, Đ dừng xe cách L khoảng 1,5m, L nói với Đ: “Anh ơi, đẩy xe em vô đây một tí đi, xe của em hư rồi”, Đ trả lời: “Đang mắc công chuyện, đi chờ nhỏ bạn”. L nói tiếp: “đẩy một khúc thôi”, Đ tiếp tục từ chối, L lại nói: “tiện đường anh đẩy em vô một khúc rồi sẵn anh chở bạn anh ra luôn”. Đ suy nghĩ và nói: “Đẩy không được”. L trả lời: “nếu anh đẩy không được thì để em đẩy cho”, Đ nói: “lên xe đi anh đẩy cho”. T leo lên phía sau xe của Đ, dùng roi điện chích nhiều cái vào hông bên phải của Đ. Đ bị té, gượng dậy rút chìa khóa xe mô tô vứt vào lùm cây rồi chạy sang bên kia đường trốn. Sau khi chạy thoát, anh Đ gọi điện thoại nói cho U biết là Đ bị cướp xe mô tô, O đang ngồi kế bên U nên nghe rõ cuộc nói chuyện giữa U và Đ, U kêu Đ đứng chờ, U sẽ đến. Sau đó, U và O dọn đồ rồi O chở U bỏ đi khỏi nhà trọ.

Khi anh Đ bỏ chạy, T dựng xe Đ, ngồi lên nói L đẩy chạy thẳng về hướng xã Đồng Nơ được khoảng 10km thì thấy ngã 3, cả hai tiếp tục rẽ trái đi được khoảng 07km rẽ vào lô cao su giấu xe. Khoảng 01 giờ ngày 17 tháng 6 năm 2019, T gọi điện thoại cho U thì được biết O đang điều khiển xe Winner chở U bỏ trốn. T chỉ

đường để U nói với O chạy theo đến nơi T đang chờ, T bảo L ở lại trông giữ xe của anh Đ, còn T sử dụng mô tô Wave của L đến nơi đã hẹn O, U; gặp U, T lên xe mô tô Winner chờ O, U điều khiển xe Wave của L chạy về thị xã B thuê phòng nghỉ; trên đường đi, T lấy chìa khóa xe mô tô làm thêm của anh Đ trong giỏ xách của O cất vào túi quần. Sau đó, O, U ở tại phòng nghỉ gần bến xe thị xã B, còn T điều khiển xe mô tô Winner đến gặp L. Tại nhà nghỉ ở thị xã B, thì Đ có gọi cho U, vì sợ bị phát hiện nên U bảo O nghe điện thoại và nói dối với anh Đ là U bị xỉu khi nghe tin Đ bị cướp và O đồng ý và nói với Đ như lời U dặn.

Khi T đến chỗ L đang chờ rồi tháo biển số xe của Đ vứt tại lô cao su, đưa chìa khóa xe của Đ cho L nổ máy chạy theo đường xã Tân Quan, huyện Hớn Quản về nhà của L tại ấp 12, xã Lộc Tấn, huyện L giấu xe mô tô của Đ và roi điện, dao gập. Ba mẹ L hỏi xe của ai thì L nói xe của người quen gửi rồi đi bộ ra đường để T chờ đi xuống Bình Long. Khi đi đến khu vực xã Lộc Thái, huyện L thì gặp U và O, L điều khiển xe của L chở U còn T chở O cùng nhau chạy về lô cao su thuộc đội 1, Nông trường 7, Công ty cao su Lộc Ninh gần nhà L. L vào nhà trả xe mô tô Wave cho gia đình rồi lấy xe mô tô của anh Đ, lấy 01 cái võng rồi ra vườn cao su. Tại đây, T nói L điện thoại cho Thành (không rõ lý lịch) để bán xe vừa cướp được của Đ, Thành nghe máy và hẹn sáng mai xem xe rồi mua. Sau đó, T, O đến khu vực bến xe Lộc Ninh thuê phòng trọ nghỉ còn U, L ngủ trong vườn cao su.

Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 17 tháng 5 năm 2019, Thành gọi điện thoại cho L hỏi mua xe mô tô, L hẹn Thành tại lô cao su nơi L ngủ. Tại đây, Thành xem xe rồi trả giá 7.500.000 đồng, L gọi điện thoại hỏi ý kiến của T, T nói: “dượng bán bao nhiêu cũng được” nên L đồng ý bán. Bán xong, U và L đón xe taxi đến bến xe Lộc Ninh gặp đưa 500.000 đồng cho T, O nói: “có mấy trăm ngàn rồi mai một đi tù”. Sau đó, T chở O đi mua đồ thấp hương cho mẹ T còn L, U đón xe đò xuống ngã tư thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành thuê nhà nghỉ.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, L gọi điện thoại kêu T sang thành phố Đồng Xoài. Sau đó, cả nhóm thuê phòng nghỉ để chia số tiền có được từ việc bán xe mô tô của Đ, L đưa cho T hơn 2.500.000 đồng; chia tiền xong L bảo cả nhóm không được đi chung vì vụ cướp đã bị Công an điều tra. L, U đón xe xuống nhà chị Đào Thị Bích L tại số 62/18, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương còn T, U đi trốn tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. L, U ở phòng chị L1 được khoảng 02 – 03 thì cả hai đi xin việc làm, nhưng không còn tiền để làm hồ sơ xin việc nên U gọi điện thoại cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị K mượn 1.000.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ (không xác định được ngày), L mượn xe mô tô Vision của chị L1 chở U về chợ L, huyện L mượn tiền.

Trên đường về trả xe cho chị L1, L, U gọi điện thoại và gặp T, O tại khu công nghiệp Bàu Bàng. Sau khi nghe L cho biết cả nhóm đang bị Công an truy tìm nên cả 4 cùng rủ nhau sang nhà chị dâu tên Lê Đặng Thanh T tại huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tiếp tục trốn Công an, cả nhóm đồng ý, L và U về trả xe cho chị L1. Sang ngày hôm sau, cả nhóm gặp nhau tại nhà chị Tr về kể toàn bộ sự việc cho chị Tr nghe. Trong thời gian trốn tại tỉnh Tây Ninh, chị Lê Đặng Thanh T giới thiệu cho L, U cạo mủ thuê tại đây được khoảng 20 ngày thì nghỉ, còn O và T không xin được việc làm nên ở nhà chị Tr được khoảng 15 ngày thì bỏ đi xuống huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh để xin vào làm công nhân được gần 02 tuần, do sợ bị lực lượng Công an phát hiện nên O, T tiếp tục xuống huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai để xin việc làm. Tại đây, T xin được việc làm tại tiệm bán vật liệu xây dựng, còn O thì ở nhà. Khoảng tháng 3 năm 2020, O, T làm thời vụ tại Công ty may thuộc Khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; làm khoảng hơn một tháng thì O và T nảy sinh mâu thuẫn, T bỏ đi nên O về nhà. Ngày 18 tháng 5 năm 2020, O đến Công an huyện Chơn Thành đầu thú, còn T cũng đến đầu thú tại Công an huyện Chơn Thành ngày 30 tháng 5 năm 2020 và khai toàn bộ hành vi cùng đồng phạm cướp tài sản của anh Đ như đã nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản số: 38/KLĐG-H Đ ĐGTS, ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định xe mô tô hiệu Airblade, biển kiểm soát: 86B6-391.92 của anh Trần Huyền Quốc Đ trị giá 18.900.000 đồng.

Tại các Bản cáo trạng số 14/CTr-VKS-HS ngày 18/02/2020, Bản cáo trạng số 69/CT-VKS-HS ngày 07/7/2020 và Bản cáo trạng số 70/CT-VKS-HS ngày 07/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truty tố các bị cáo Lâm Thị U, Đào Văn L, Lâm Văn T, Bùi Thị Hoàng O về tội “Cướp tài sản” được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ quyền công tố trình bày quan điểm: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truty tố. Do đó, có thể khẳng định các Bản cáo trạng số 14/CTr-VKS-HS ngày 18/02/2020, Bản cáo trạng số 69/CT-VKS-HS ngày 07/7/2020 và Bản cáo trạng số 70/CT-VKS-HS ngày 07/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành đã truty tố đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định

trúty tố đối với các bị cáo Lâm Thị U, Đào Văn L, Lâm Văn T, Bùi Thị Hoàng O về tội “*Cướp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lâm Thị U mức án từ 08 đến 09 năm tù;

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lâm Văn T mức án từ 08 đến 09 năm tù;

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đào Văn L mức án từ 08 đến 09 năm tù.

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Bùi Thị Hoàng O mức án 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung các Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã trúty tố và không có ý kiến gì khác. Bị hại Trần Huyền Quốc Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo U và bị cáo O.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo Lâm Thị U đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại Trần Huyền Quốc Đ 10.000.000đ, bị cáo O đã bồi thường 5.000.000đ, tại phiên tòa, ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị L là cha mẹ đẻ của bị cáo L bồi thường cho anh Đ 4.000.000đ; Bị hại Trần Huyền Quốc Đ đồng ý với việc các bị cáo đã bồi thường đủ giá trị chiếc xe của anh bị chiếm đoạt. Anh Đ đồng ý rút yêu cầu đòi bồi thường tổn thất về tinh thần, khi có đủ chứng cứ anh Đ sẽ khởi kiện bằng vụ án riêng.

Tại phiên tòa, các người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan Đào Văn L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, Hoàng Thị Tâm Đ1 không có yêu cầu gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn

Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truty tổ đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, Kết luận định giá tài sản, vật chứng vụ án và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 16 tháng 5 năm 2019, Lâm Thị U, Lâm Văn T, Đào Văn L đã bàn bạc, thống nhất kế hoạch, phân công để T, L dùng roi điện cướp xe mô tô của anh Trần Huyền Quốc Đ có giá trị 18.900.000 đồng tại khu vực ấp 6, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Bùi Thị Kim O không tham gia bàn bạc, nhưng đồng tình giúp sức. Hành vi của Lâm Thị U, Lâm Văn T, Đào Văn L và Bùi Thị Kim O đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các Bản cáo trạng số 14/CTr-VKS-HS ngày 18/02/2020, Bản cáo trạng số 69/CT-VKS-HS ngày 07/7/2020 và Bản cáo trạng số 70/CT-VKS-HS ngày 07/7/2020 truty tổ các bị cáo Lâm Thị U, Lâm Văn T, Đào Văn L và Bùi Thị Kim O về tội “Cướp tài sản” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Các bị cáo nhận thức được việc bàn bạc, L kế hoạch, phân công nhiệm vụ và dùng roi điện để tấn công bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản là trái quy định pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần xét xử các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của các bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lâm Thị U, Lâm Văn T và Bùi Thị Kim O không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Đào Văn L: Ngày 09/01/2017, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số

02/2017/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/5/2018, chưa được xóa án tích thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội “Cướp tài sản” vào ngày 16/5/2019, do đó bị cáo L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét cho cả 04 bị cáo. Đối với bị cáo Lâm Thị U và bị cáo Bùi Thị Hoàng O, bị cáo Đào Văn L đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, hai bị cáo U và O được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo T cha mẹ đều mất sớm; Đối với bị cáo Bùi Thị Hoàng O đang phải nuôi 02 con (con lớn sinh năm 2007 bị bệnh câm, điếc; con nhỏ sinh năm 2012), bản thân bị cáo cũng đang mang thai tháng thứ 8. Sau khi phạm tội thì bị cáo O và T ra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

[6] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, có việc lên kế hoạch, phân công giữa các bị cáo. Trong đó, Lâm Thị U có vai trò là người chủ mưu, mượn xe mô tô của anh Đ để T làm thêm chìa khóa xe mô tô tạo điều kiện thuận lợi cho việc chiếm đoạt xe mô tô; lên kế hoạch, phân công cho các bị cáo khác để thực hiện tội phạm nên U có vai trò cao nhất. Đối với Lâm Văn T đã cùng U có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước, chuẩn bị roi điện, trực tiếp tấn công anh Đ cướp tài sản nhưng có vai trò thấp hơn U. Đối với Đào Văn L có vai trò thực hành tích cực cướp tài sản nên phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn T. Đối với Bùi Thị Hoàng O: O biết việc chiếm đoạt tài sản, chờ đợi Lâm Văn T đi cướp tài sản xong rồi về nhà, điều khiển xe mô tô chở U bỏ trốn theo sự dẫn đường của T, nói dối với anh Trần Huyền Quốc Đ là U bị xui khi nghe anh Đ bị cướp và cùng T sử dụng số tiền do phạm tội mà có nên O là đồng phạm của U, T và L nhưng O có vai trò thấp nhất.

[7] Từ phân tích trên, xem xét vai trò, tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo, cần phải cách ly các bị cáo U, T và L ra khỏi xã hội một thời gian như mức án khởi điểm mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, nhằm cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Riêng bị cáo O giữ vai trò thứ yếu, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, bản thân đang mang thai sắp sinh nở, bị cáo có nơi cư trú ổn định nên áp dụng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cho bị cáo được áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều khoản áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

[9] Về trách nhiệm dân sự: về bồi thường thiệt hại, gia đình bị cáo U, O và L đã bồi thường đủ trị giá chiếc xe cho anh Đ (U10.000.000đ, O 5.000.000đ, và L 4.000.000đ); anh Đ đồng ý mức bồi thường này, riêng tổn thất về tinh thần anh Đ rútyêu cầu khi đủ tài liệu chứng cứ sẽ khởi kiện sau, nên HĐXX không xét.

[10] Đối với Đào Văn L, Nguyễn Thị L và Đào Thị Bích L là bố, mẹ, chị của L, không biết L cùng đồng phạm phạm tội. Đối với Lâm Văn R và Lê Đặng Thanh T là anh ruột và chị dâu U, sau khi biết U cùng đồng phạm thực hiện tội phạm nên đã báo với Công an xã Tân L, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bắt giữ U, L. Đối với người tên Thành đã mua xe mô tô của L cướp của anh Đ, qua lời khai của L và quá trình xác minh tại xã L, huyện L không xác định được lý lịch của Thành nên không đề cập xử lý.

[11] Về xử lý vật chứng: các vật chứng thu giữ gồm: 01 roi điện màu đen, trên có chữ “580000V Volt 928 type Direct – Current Ultrahigh Voltage hiện không có giá trị sử dụng nên tiêu hủy.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lâm Thị U, Lâm Văn T, Đào Văn L và Bùi Thị Hoàng O phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lâm Thị U 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 01/7/2019.

2.2 Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn T 08 (tám) năm tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam; 28/5/2020.

2.3 Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đào Văn L 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam; 01/7/2019.

2.4 Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58, Điều 54 và 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Hoàng O 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị Hoàng O cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

-Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng: 01 roi điện màu đen, trên có chữ “580000V Volt 928 type Direct – Current Ultrahigh Voltage.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0004773 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lâm Thị U, Lâm Văn T, Đào Văn L và Bùi Thị Hoàng O, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- Công an huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

